

THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT NỘI DUNG CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2 THEO HƯỚNG ĐỔI MỚI CĂN BẢN, TOÀN DIỆN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THE CURRENT SITUATION AND PROPOSED CONTENT TO IMPROVE THE PHYSICAL EDUCATION TRAINING PROGRAM AT HANOI PEDAGOGICAL UNIVERSITY 2 TOWARD FUNDAMENTAL AND COMPREHENSIVE INNOVATION IN EDUCATION AND TRAINING

TÓM TẮT: Trước xu thế đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay, đòi hỏi các cơ sở giáo dục phải có những đổi mới trong hoạt động đào tạo nói chung và đổi mới chương trình đào tạo nói riêng. Vì vậy, việc đánh giá chương trình đào tạo đóng vai trò quan trọng trong đánh giá những hạn chế của chương trình và những đổi mới của nhu cầu xã hội đối với ngành đào tạo. Thông qua quá trình đánh giá các nhà quản lý chuyên môn sẽ đưa ra các quyết định cần thiết phải cập nhật, cải tiến chương trình cũng như quy trình tổ chức đào tạo nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả quá trình đào tạo, giúp cho sản phẩm đào tạo của mỗi nhà trường đáp ứng được với nhu cầu của xã hội.

TỪ KHÓA: Chương trình đào tạo, cải tiến, đổi mới, căn bản, toàn diện.

ABSTRACT: In the current trend of fundamental and comprehensive education and training reform, educational institutions are required to innovate in their training activities in general and in their training programs in particular. Therefore, the evaluation of training programs plays an important role in assessing the limitations of the programs and the new demands of society for the training sector. Through the evaluation process, professional managers will make necessary decisions to update, improve the programs as well as the organization of the training process in order to enhance the quality and efficiency of the training process, helping the training products of each school meet the needs of society.

KEYWORDS: Training program, measures, improvements, innovations, fundamental, comprehensive.

NGUYỄN XUÂN ĐOÀN
Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

NGUYEN XUAN DOAN
Hanoi Pedagogical University 2

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trước bối cảnh đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo đặt ra yêu cầu về đổi mới song hành giữa đào tạo sư phạm và đổi mới giáo dục phổ thông để tạo ra tác động tổng hợp giúp thực hiện thành công đổi mới giáo dục. Trong đó đổi mới sư phạm lấy đổi mới giáo dục phổ thông làm mục đích,

mục tiêu, đổi mới ở trường sư phạm gắn bó chặt chẽ, hài hoà và đi trước một bước đổi mới giáo dục phổ thông. Đổi mới sư phạm là điều kiện thành công cho đổi mới phổ thông. Ngược lại, đổi mới phổ thông cũng đặt ra yêu cầu cho đổi mới sư phạm. Đổi mới sư phạm trước tiên cần phải đổi mới đồng bộ các yếu tố của chương trình đào



tạo từ mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá theo chuẩn hóa, hiện đại hóa để đào tạo được đội ngũ nhà giáo tương lai thực hiện được tốt chương trình giáo dục phổ thông mới. Bởi vì, chương trình đào tạo một trong những yếu tố đầu tiên quyết định hình mẫu sản phẩm đầu ra và những điều kiện đảm bảo cho tổ chức đào tạo đạt được với mục tiêu mong muốn của chương trình. Hoạt động tổ chức đào tạo chịu ảnh hưởng trực tiếp từ nội dung chương trình. Một chương trình đào tạo tốt là cơ sở cho việc tổ chức đào tạo hiệu quả, là tiền đề tạo ra động lực cho giảng dạy và học tập được hiệu quả hơn. Ngược lại, chương trình đào tạo không phù hợp có thể tạo ra những cản trở và ràng buộc khả năng sáng tạo và phát triển của người dạy và người học. Vì vậy, việc đánh giá chương trình đào tạo là một khâu quan trọng để xác định chất lượng đào tạo từ đó có những biện pháp cải tiến chương trình phù hợp với đổi mới giáo dục và đào tạo, với chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chiến lược của mỗi nhà trường cùng các quy định hiện hành từ đó nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng với nhu cầu đổi mới giáo dục phổ thông.

Phương pháp nghiên cứu:

Trong quá trình nghiên cứu đã sử dụng phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn và phương pháp thống kê.

Khách thể nghiên cứu:

Khách thể phỏng vấn bao gồm:

+ 12 chuyên gia, cán bộ quản

lí Khoa GDTC một số Trường Đại học Sư phạm khu vực phía Bắc có đào tạo ngành GDTC.

+ 21 giảng viên khoa GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (trực tiếp tham gia quá trình đào tạo theo chương trình).

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

2.1. Khái niệm chương trình đào tạo, chuẩn chương trình đào tạo

Có nhiều tài liệu và nghiên cứu đề cập đến khái niệm chương trình đào tạo, trong đó phần lớn đều cho rằng chương trình đào tạo không chỉ đơn giản là các môn học kèm theo đề cương và thiết kế bài giảng, mà là tất cả những điều kiện cần thiết để thực hiện được một nội dung đào tạo.

Điều 36 Luật giáo dục đại học năm 2012 định nghĩa “Chương trình đào tạo trình độ đại học gồm: Mục tiêu, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp; nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá đối với mỗi môn học và ngành học, trình độ đào tạo; bảo đảm yêu cầu liên thông giữa các trình độ và với các chương trình đào tạo khác” [4].

Điều 2 Thông tư 17 năm 2021 của Bộ GD&ĐT quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học định nghĩa:

“Chương trình đào tạo là một hệ thống các hoạt động giáo dục, đào tạo được thiết kế và tổ chức thực hiện nhằm đạt được

các mục tiêu đào tạo, hướng tới cấp một văn bằng giáo dục đại học cho người học. Chương trình đào tạo bao gồm mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá đối với môn học, ngành học, trình độ đào tạo, chuẩn đầu ra phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam” [3].

“Chuẩn chương trình đào tạo của một trình độ giáo dục đại học là những yêu cầu chung, tối thiểu đối với tất cả chương trình đào tạo của các ngành (các nhóm ngành, lĩnh vực) ở trình độ đó; bao gồm yêu cầu về mục tiêu, chuẩn đầu ra (hay yêu cầu đầu ra), chuẩn đầu vào (hay yêu cầu đầu vào), khối lượng học tập tối thiểu, cấu trúc và nội dung, phương pháp giảng dạy và đánh giá kết quả học tập, các điều kiện thực hiện chương trình để bảo đảm chất lượng đào tạo” [3].

2.2. Đánh giá thực trạng chương trình đào tạo ngành Giáo dục thể chất Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2

Theo các khái niệm được trình bày ở trên về chương trình đào tạo, việc đánh giá thực trạng chương trình đào tạo sẽ tiến hành đánh giá dựa trên các yếu tố cấu thành của chương trình đào tạo bao gồm: Mục tiêu, khối lượng kiến thức, cấu trúc, nội dung, phương pháp và hình thức đánh giá của ngành GDTC.

Thông qua nghiên cứu các quy định trong chuẩn chương trình đào tạo từ đó xác định những tiêu chí đánh giá thực trạng

chương trình đào tạo ngành GDTC hiện hành (áp dụng đào tạo từ năm 2022) của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2. Nghiên cứu tiến hành lập phiếu phỏng vấn và gửi đến các khách thể nghiên cứu.

Kết quả đánh giá dựa trên tham chiếu giá trị khoảng cách của thang đo Likert 5 bậc (Rất đồng ý -5 điểm; đồng ý - 4 điểm; không ý kiến - 3 điểm;

không đồng ý - 2 điểm; rất không đồng ý -1 điểm) cũng như tỉ lệ % so với tổng điểm tối đa, sau đó kết quả đánh giá được so sánh về mức độ đánh giá giữa chuyên gia và giảng viên làm căn cứ để đánh giá thực trạng về chương trình đào tạo, trên cơ sở đó có đề xuất những biện pháp cải tiến về chương trình đào tạo. Kết quả đánh giá và so sánh được trình

bày tại bảng 1.

Kết quả thống kê ở bảng 1 cho thấy, sự khác biệt về ý kiến đánh giá đối với 30 tiêu chí của cả 2 đối tượng là khác nhau không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P \geq 0,05$ với $\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$. Điều đó có nghĩa là ý kiến đánh giá về chương trình đào tạo của cả 2 đối tượng có sự thống nhất cao, cụ thể với các nội dung như sau:

BẢNG 1: THỐNG KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CHƯƠNG TRÌNH	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ							X ²	P
		Chuyên gia n=12			Giảng viên n=21					
		Tổng điểm	Điểm Trung bình	Tỉ lệ % so với điểm tối đa	Tổng điểm	Điểm Trung bình	Tỉ lệ % so với điểm tối đa			
I	Mục tiêu chương trình									
1	Xác định rõ ràng trình độ đào tạo và những phẩm chất năng lực cần hình thành ở người học đáp ứng với vị trí việc làm.	56	4,66	93,3%	102	4,85	97,1%	1,65	≤0,05	
2	Bao quát được chuẩn nghề nghiệp giáo viên về: Phẩm chất, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, sử dụng ngoại ngữ và CNTT, xây dựng môi trường văn hóa giáo dục, phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình.	57	4,75	95,0%	104	4,95	99,0%	2,9	≤0,05	
3	Phù hợp và gắn kết với sứ mạng của nhà trường là: Đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lí giáo dục...	58	4,83	96,6%	100	4,76	95,2%	0,23	≤0,05	
4	Phù hợp với mục tiêu giáo dục đại học là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị đạo đức; có kiến thức kỹ năng hành nghề; năng lực nghiên cứu và ứng dụng NCKH...”	58	4,83	96,6%	101	4,8	96,1%	0,02	≤0,05	
5	Phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam “Xác nhận trình độ đào tạo của người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lí thuyết toàn diện, chuyên sâu về ngành GDTC, kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật; kỹ năng thực hành nghề nghiệp; làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi”.	55	4,58	91,6%	101	4,8	96,1%	1,96	≤0,05	



6	Phù hợp với năng lực của người giáo viên thể dục thể thao và những thay đổi trong tiếp cận chương trình môn học Giáo dục thể chất 2018 như “Bồi dưỡng năng khiếu thể thao tham gia thi đấu các giải thể thao cấp cơ sở, toàn quốc, quốc tế; hoặc đề xuất được các hoạt động TDTT phù hợp với nhu cầu HS; Đề xuất nội dung và hình thức giáo dục thể chất cho những đối tượng khuyết tật vận động, hoặc học sinh, sinh viên có những bệnh lí bẩm sinh”.	34	2,83	56,7%	57	2,71	54,3%	0,58	≤0,05
II Chuẩn đầu ra									
1	Bao quát được hiểu biết chung của người giáo viên về “Phẩm chất, phát triển chuyên môn nghiệp vụ; xây dựng môi trường giáo dục...” và năng lực chuyên biệt của người giáo viên.	58	4,83	96,6%	100	4,76	95,2%	0,23	≤0,05
2	Được cụ thể hóa thành các nhóm chuẩn đầu ra tương đồng với các phẩm chất, năng lực của học sinh trong chương trình GDPT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT.	41	3,41	68,0%	72	3,42	68,5%	0,004	≤0,05
3	Được phát biểu bằng các động từ theo các mức độ có thể đo lường được về kiến thức, kỹ năng, thái độ theo nguyên tắc SMART và gắn với các vị trí nghề nghiệp.	56	4,63	93,3%	100	4,76	95,2%	0,34	≤0,05
4	Liên kết chặt chẽ với mục tiêu của chương trình đào tạo.	39	3,25	65,0%	74	3,52	70,4%	2,34	≤0,05
5	Đáp ứng về kiến thức, kỹ năng, mức độ tự chủ và trách nhiệm, năng lực cần thiết theo quy định cho bậc trình độ tương ứng theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam (bậc 6).	90	4,5	90,0%	98	4,67	93,3	0,88	≤0,05
6	Được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần khối kiến thức.	55	4,58	91,6%	94	4,47	89,5%	0,35	≤0,05
7	Đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành của chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.	54	4,5	90,0%	95	4,52	90,4	0,01	≤0,05
III Chuẩn đầu vào									
1	Xác định rõ ràng những yêu cầu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với trình độ đại học.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	≤0,05
IV Khối lượng học tập									

1	Được xác định bằng số tín chỉ.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	≤0,05
2	Phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	≤0,05
V Cấu trúc và nội dung chương trình đào tạo									
1	Thể hiện rõ vai trò của khối kiến thức, các học phần, sự liên kết logic và bổ trợ lẫn nhau giữa các khối kiến thức, học phần đảm bảo thực hiện mục tiêu, yêu cầu tổng thể của chương trình đào tạo.	58	4,83	96,7%	101	4,8	96,1%	0,02	≤0,05
2	Thể hiện rõ đặc điểm và yêu cầu chung “khối kiến thức chung” về chuyên môn, nghề nghiệp trong lĩnh vực, nhóm ngành ở trình độ đào tạo “khối kiến thức chuyên môn”.	55	4,58	91,6%	100	4,76	95,2%	0,34	≤0,05
3	Quy định rõ những thành phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các thành phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.	59	4,91	98,3%	103	4,9	98,1%	0,01	≤0,05
4	Nội dung đào tạo phục vụ tốt cho đổi mới GDPT (có tính mở cao trong cân đối khối kiến thức bắt buộc và tự chọn; tăng cường thực hành nghề thông qua kiến tập, thực hành nghề, thực tập nghề)	48	4,0	80,0%	86	4,09	81,9%	2,9	≤0,05
5	Định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.	48	4,0	80,0%	86	4,09	81,9%	2,9	≤0,05
6	Các học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.	51	4,25	85,0%	95	4,5	90,4%	2,34	≤0,05
VI Phương pháp giảng dạy									
1	Được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập phù hợp với đổi mới phương pháp dạy học ở GDPT.	57	4,75	95,0%	100	4,76	95,2%	0,005	≤0,05
2	Hình thức dạy học được thiết kế đa dạng chú trọng hoạt động tự học, học thông qua hoạt động xã hội, trải nghiệm và NCKH	55	4,58	91,6%	100	4,76	95,2%	0,34	≤0,05



3	Tăng cường hiệu quả sử dụng các phương tiện dạy học đặc biệt là ứng dụng CNTT vào thiết kế nội dung, phương pháp dạy học.	51	4,25	85,0%	95	4,5	90,4%	2,34	$\leq 0,05$
4	Định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần khối kiến thức và của cả chương trình đào tạo.	54	4,5	90,0%	98	4,67	93,3%	0,94	$\leq 0,05$
VII	Đánh giá kết quả học tập								
1	Dựa trên chuẩn đầu ra của mỗi học phần của chương trình đào tạo thông qua các học phần.	58	4,8	96,7%	101	4,81	96,1%	0,03	$\leq 0,05$
2	Chỉ ra được sự tiến bộ của người học.	41	3,41	68,0%	72	3,42	68,5%	0,004	$\leq 0,05$
3	Dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	$\leq 0,05$
4	Kết quả đánh giá làm cơ sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.	55	4,58	91,6%	98	4,67	93,3%	0,23	$\leq 0,05$

- Mục tiêu chương trình

Có 5/6 tiêu chí được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý với điểm trung bình từ 4,58 đến 4,95 tương đương với tỉ lệ từ 91,6% đến 99,0% so với tổng điểm tối đa. Từ đó, cho phép đánh giá tổng quát những ưu điểm và hạn chế về mục tiêu chương trình đào tạo:

+ Mục tiêu của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng là đào tạo cử nhân Giáo dục thể chất có phẩm chất tốt, năng lực nghề nghiệp vững vàng để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ Giáo dục thể chất và các nhiệm vụ khác của người giáo viên phổ thông, tham gia công tác quản lý chuyên môn tại các tổ chức, cơ sở giáo dục - đào tạo hoặc các cơ quan quản lý giáo dục. Mục tiêu đào tạo xuất phát từ đổi mới cách tiếp cận và thực hiện mục tiêu giáo dục nói chung,

GDPT nói riêng theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học trên tinh thần đổi mới giáo dục toàn diện nhằm phát triển tốt nhất tiềm năng của từng học sinh. Mục tiêu của đào tạo hình thành và phát triển phẩm chất, năng lực của người học đáp ứng yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

+ Mục tiêu chương trình đào tạo được phát biểu phù hợp với sứ mạng của Nhà trường là đào tạo và bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ khoa học trình độ đại học; nghiên cứu khoa học, chuyển giao tri thức và công nghệ trình độ tiên tiến, đặc biệt trong lĩnh vực khoa học giáo dục, góp phần thu hẹp khoảng cách về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục khu vực nông thôn và miền núi phía Bắc với khu

vực thành thị, thiết lập mô hình tiêu biểu về mạng lưới kết nối giữa trường sư phạm với các trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội và hội nhập của đất nước. Mục tiêu cũng được phát biểu phù hợp với định hướng chiến lược của Nhà trường đến năm 2030 là trở thành một trong những trường Đại học Sư phạm hàng đầu của Việt Nam, góp phần vào sự phát triển các cơ sở đào tạo giáo viên khu vực phía Bắc và cả nước.

+ Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với mục tiêu giáo dục trong Luật Giáo dục và Luật giáo dục đại học là đào tạo người học có phẩm chất chính trị đạo đức; có kiến thức kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và ứng dụng NCKH và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe, có khả năng sáng

tạo, trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc và ý thức phục vụ nhân dân.

+ Mục tiêu được tham chiếu Khung trình độ quốc gia, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông làm căn cứ chính để điều chỉnh mục tiêu và chuẩn đầu ra.

+ Có 01 tiêu chí được đánh giá ở mức không ý kiến và không đồng ý với điểm trung bình là 2,71 và 2,83 tương đương tỉ lệ 54,3% và 56,7% so với tổng điểm tối đa đó là mục tiêu chương trình đào tạo chưa tham chiếu với các quy định hoạt động nghề nghiệp giáo viên, giảng viên thể dục thể thao theo quy định tại Thông tư 48/2020/TT-BGDĐT để hướng đến các mục tiêu hướng bồi dưỡng năng khiếu thể thao tham gia thi đấu các giải thể thao cấp cơ sở, toàn quốc, quốc tế; Giáo dục thể chất cho những đối tượng khuyết tật vận động, hoặc học sinh sinh viên có những bệnh lí bẩm sinh được miễn hoặc tham gia tập luyện với nội dung và hình thức phù hợp.

- Chuẩn đầu ra

Có 5/7 tiêu chí được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý với điểm trung bình từ 4,47 đến 4,83 tương đương với tỉ lệ từ 89,5% đến 96,6% so với tổng điểm tối đa. Thông qua tham chiếu với quy định về chuẩn chương trình đào tạo, khung năng lực trình độ quốc gia và chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo viên GDPT cho phép đánh giá tổng quát những ưu điểm và hạn chế về chuẩn đầu ra chương

trình đào tạo:

+ Các chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đã bao quát được yêu cầu chung về đạo đức nghề nghiệp, thái độ tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp, trình độ lí luận chính trị, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin cơ bản và các yêu cầu cụ thể về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với trình độ đại học. Các chuẩn đầu ra cũng bao quát được các yêu cầu chung đối với nghề nghiệp giáo viên về phẩm chất nhà giáo; phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; xây dựng môi trường giáo dục; phát triển mối quan hệ giữa Nhà trường, gia đình và xã hội; sử dụng ngoại ngữ, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục được quy định trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; và thể hiện rõ các yêu cầu đặc thù đối với người Giáo dục thể chất tại trường phổ thông.

+ Các chuẩn đầu ra đã được phát biểu bằng các động từ theo các mức độ có thể đo lường được về kiến thức, kỹ năng, thái độ theo nguyên tắc SMART và gắn với các vị trí nghề nghiệp.

+ Chuẩn đầu ra được cụ thể hóa một cách đầy đủ và rõ nét trong chuẩn đầu ra của các học phần trong chương trình đào tạo, đồng thời được thực hiện một cách có hệ thống qua liên kết giữa các học phần và các thành phần kiến thức bằng ma trận chuẩn đầu ra với các học phần.

+ Chuẩn đầu ra đảm bảo khả

thi, phù hợp với khối lượng chương trình để phần lớn người học đã đáp ứng chuẩn đầu vào có khả năng hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian tiêu chuẩn.

+ Có 02/7 tiêu chí được đánh giá ở mức không ý kiến và không đồng ý với điểm trung bình là 3,25 và 3,52 tương đương tỉ lệ 65,0% và 70,4% so với tổng điểm tối đa đó là: Chuẩn đầu ra chưa được cụ thể hóa thành các nhóm chuẩn đầu ra tương đồng với các phẩm chất, năng lực của học sinh trong chương trình GDPT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT; sự gắn kết giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu còn chưa thực sự chặt chẽ về đạo đức nghề nghiệp giáo viên; chuẩn đầu ra chưa đề cập đến chuẩn đầu ra về khởi nghiệp và phát hiện và bồi dưỡng tài năng TDTT ở học sinh.

- Chuẩn đầu vào

100% cán bộ quản lí và giảng viên GDTC đánh giá chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo được xác định rõ ràng những yêu cầu về trình độ, năng lực, kinh nghiệm phù hợp với trình độ đại học.

- Khối lượng học tập

+ Cả 2/2 tiêu chí được chuyên gia và giảng viên đánh giá ở mức rất đồng ý với điểm trung bình 5,0 tương đương với tỉ lệ 100% so với tổng điểm tối đa, kết hợp với đối chiếu với quy định chuẩn chương trình đào tạo cho phép đưa ra kết luận sau:

+ Khối lượng học tập của chương trình đào tạo, của mỗi thành phần khối kiến thức và mỗi học phần trong chương



trình đào tạo được xác định bằng số đơn vị tín chỉ. Mỗi tín chỉ tương đương với 50 giờ học tập định mức bao gồm: Giờ dự giảng, giờ học có hướng dẫn giờ tự học, tự nghiên cứu; đối với giờ dạy trên lớp, một tín chỉ yêu cầu thực hiện tối thiểu 15 giờ giảng hoặc 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong đó 1 giờ tính bằng 50 phút.

+ Khối lượng học tập 135 tín chỉ của chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Chương trình đào tạo đại học tối thiểu 120 tín chỉ chưa bao gồm khối lượng GDTC và QDQP-AN).

- Cấu trúc nội dung chương trình

+ Có 6/6 tiêu chí được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý với điểm trung bình từ 4,0 đến 4,83 tương đương với tỉ lệ từ 80,0% đến 98,3% so với tổng điểm tối đa. Thông qua tham chiếu với quy định về chuẩn chương trình đào tạo phép đánh giá tổng quát những ưu điểm và hạn chế về cấu trúc nội dung chương trình đào tạo như:

+ Chương trình đào tạo được cấu trúc thành 2 phần: Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm kiến thức Giáo dục chính trị, kiến thức đại cương và Ngoại ngữ; Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm kiến thức cơ sở ngành/nhóm ngành, chuyên ngành, nghiệp vụ sư phạm và khóa luận tốt nghiệp/ học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp. Trong đó, các khối kiến thức được sắp xếp theo trình tự từ tri thức chung, nền tảng, cơ sở tới các tri thức chuyên sâu,

từ tri thức chuyên môn đến tri thức nghiệp vụ. Đối với mỗi học phần, tỉ trọng giữa số giờ lí thuyết, bài tập, thực hành, tự học, tự nghiên cứu đảm bảo tính cân đối, đồng thời chú trọng thúc đẩy hoạt động tự học của người học.

+ Cấu trúc nội dung xác định rõ những phần chính yếu, bắt buộc đối với tất cả người học; đồng thời đưa ra các học phần bổ trợ, tự chọn để người học lựa chọn học phù hợp với định hướng nghề nghiệp của bản thân.

+ Định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân thông qua đăng ký các học phần trên trang tín chỉ.

+ Mỗi thành phần, học phần của chương trình đào tạo phải quy định mục tiêu, yêu cầu đầu ra, số tín chỉ và nội dung, đặc điểm chuyên môn; đóng góp rõ nét trong thực hiện mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo.

+ Trong 06 ý kiến đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý có 02 ý kiến được đánh giá ở mức thấp hơn với điểm trung bình là 4,0 và 4,09 tương đương với tỉ lệ 80,0% và 81,9% đó là: Nội dung đào tạo phục vụ tốt cho đổi mới GDPT; định hướng được cho người học đồng thời đảm bảo tính mềm dẻo, tạo điều kiện cho người học xây dựng kế hoạch học tập cá nhân theo tiến độ và trình tự phù hợp với năng lực, điều kiện của bản thân.

Điều đó phản ánh chính xác, bởi lẽ về mặt tổng thể chương trình đào tạo đã đảm bảo tính cân đối giữa tổng số tín chỉ học phần tự chọn so với tổng số học phần bắt buộc nhưng đối với từng khối kiến thức của chương trình thì tỉ trọng đó còn thiếu tính cân đối. Điều đó nói nên rằng tính mở và mềm dẻo của chương trình chưa thực sự đáp ứng tốt nhất cho đổi mới GDPT; sinh viên được thực hành nghề thông qua thực hành sư phạm tại nhà trường sư phạm với 04 tín chỉ và 07 tín chỉ thực tập sư phạm ở học kỳ 5 và học kỳ 7 chứ chưa có hoạt động kiến tập sư phạm để giúp cho sinh viên có được những hiểu biết về nghề nghiệp qua các hoạt động của công tác giáo viên chủ nhiệm lớp và hoạt động dạy học bằng các hình thức cụ thể như dự giờ dạy học, dự giờ sinh hoạt lớp, dự giờ tổ chức các hoạt động giáo dục cũng như các hoạt động đoàn thể ở nhà trường phổ thông. Nếu có các hoạt động kiến tập sư phạm sẽ giúp cho hoạt động thực hành sư phạm, thực tập sư phạm trở nên hiệu quả hơn đặc biệt giúp người học sẽ có ý thức tốt hơn trong quá trình học tập và rèn luyện để đạt được kết quả cao nhất, từ đó rút ngắn quá trình hình thành năng lực nghề.

- Phương pháp giảng dạy

+ Có 4/4 tiêu chí được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý với điểm trung bình từ 4,5 đến 4,76 tương đương với tỉ lệ từ 90,0% đến 95,2% so với tổng điểm tối đa. Thông qua kết quả đánh giá trên và kết hợp đối chiếu với quy định chuẩn

chương trình đào tạo và lí luận dạy học cho phép đưa ra kết luận sau:

+ Các hình thức hoạt động dạy học và phương pháp dạy học phong phú, phù hợp, hướng tới chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; tổ chức các hoạt động dạy học trên lớp (lí thuyết, thực hành); tự học tự, tự nghiên cứu; nghiên cứu khoa học; hoạt

động trải nghiệm thi đấu; thực tập nghề nghiệp tại các cơ sở giáo dục, đặc biệt là các trường THPT. Công tác tổ chức các hoạt động dạy học được thực hiện có hiệu quả, như đa dạng các hình thức hoạt động học tập, các phương pháp giảng dạy được thực hiện khá linh hoạt và hiệu quả. Ứng dụng CNTT được tăng cường hiệu trong

thiết kế nội dung, phương pháp dạy học.

+ Phương pháp giảng dạy định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần kiến thức và của cả chương trình đào tạo.

- Nội dung và yêu cầu kiểm tra đánh giá kết quả học tập đối với sinh viên

BẢNG 2: THỐNG KÊ ĐÁNH GIÁ NỘI DUNG CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2 CỦA KHÁCH THỂ PHÒNG VẤN (n=33)

TT	NỘI DUNG CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ							
		Chuyên gia n=12			Giảng viên n=21			X ²	P
		Tổng điểm	Điểm Trung bình	Tỉ lệ % so với điểm tối đa	Tổng điểm	Điểm Trung bình	Tỉ lệ % so với điểm tối đa		
1	Kịp thời cập nhật những đổi mới về nghề nghiệp qua các lần rà soát để trang bị đầy đủ hơn năng lực của sinh viên đáp ứng với vị trí việc làm trong chuẩn nghề nghiệp.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	≤0,05
2	Cần đổi chiếu với các văn bản liên quan trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	≤0,05
3	Cần khảo sát các bên liên quan (Người sử dụng lao động, cán bộ quản lí ở nhà trường phổ thông, cựu sinh viên) trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo để điều chỉnh chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội.	57	4,75	95,0%	101	4,81	96,1%	0,16	≤0,05
4	Tăng cường thực hành nghề thông qua kiến tập sư phạm giúp sinh viên tiếp xúc với nghề nghiệp sớm từ đó có ý thức và xây dựng kế hoạch học tập đạt kết quả cao	58	4,83	96,7%	103	4,9	98,1%	0,01	≤0,05
5	Chuẩn đầu ra cần xây dựng thành các chuẩn đầu ra tương ứng với từng nhóm như: Phẩm chất công dân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; năng lực chung; năng lực đặc thù đáp ứng với chuẩn nghề nghiệp và dự thảo chương trình đào tạo giáo viên.	56	4,63	93,3%	101	4,8	96,1%	0,84	≤0,05



6	Chuẩn đầu ra phải liên kết chặt chẽ với mục tiêu của chương trình đào tạo.	60	5,0	100%	105	5,0	100%	0	≤0,05
7	Đảm bảo tính cân đối giữa các thành phần khối kiến thức; giữa kiến thức bắt buộc và tự chọn.	55	4,58	91,6%	95	4,5	90,4%	0,1	≤0,05
8	Trang bị năng lực tự học và phương pháp học tập hiệu quả qua các học phần, coi năng lực tự học và phương pháp học tập hiệu quả là sản phẩm đầu ra của các học phần và của chương trình đào tạo.	58	4,8	96,7%	100	4,76	95,2%	0,23	≤0,05
9	Sơ đồ hóa tiến trình đào tạo dựa trên kế hoạch dạy học đảm bảo sự logic về cấu trúc mạch nội dung của chương trình đào tạo và giúp người học biết được kế hoạch đào tạo từ đó chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập.	57	4,75	95,0%	95	4,5	90,4%	1,63	≤0,05
10	Trang bị Bổ sung các công cụ đánh giá năng lực nhận thức và năng lực thực hiện thông qua rubric vào các học phần của chương trình đào tạo để chỉ ra được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và đánh giá được sự tiến bộ của học sinh.	58	4,8	96,7%	100	4,76	95,2%	0,23	≤0,05
11	Trang bị năng lực tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá kết quả học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học ở tất cả các môn thể thao trong chương trình đào tạo, coi năng tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá kết quả học tập là sản phẩm đầu ra của các học phần và của quá trình đào tạo.	55	4,58	91,6%	98	4,67	93,3%	0,23	≤0,05

+ Có 3/4 tiêu chí được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý với điểm trung bình từ 4,58 đến 5,0 tương đương với tỉ lệ từ 91,6% đến 100% so với tổng điểm tối đa. Thông qua kết quả đánh giá và phân tích lí luận về kiểm tra đánh giá kết quả học tập cho phép đưa ra kết luận sau:

+ Đánh giá kết quả học tập của người học đã thể hiện được chiến lược đánh giá, quy định đánh giá học phần và sau mỗi

học kỳ. Chương trình chi tiết quy định cụ thể các hình thức đánh giá kết quả học tập của người học bao gồm điểm đánh giá quá trình và đánh giá định kỳ. Trong đó chi tiết nội dung đánh giá, trọng số đánh giá, thời điểm, phương thức đánh giá và các chuẩn đầu ra học phần mà hình thức đánh giá đó hướng tới.

+Đánh giá kết quả học tập của người học dựa trên đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết.

+ Kết quả đánh giá làm cơ

sở để kịp thời điều chỉnh hoạt động giảng dạy và học tập, thúc đẩy nỗ lực và hỗ trợ sự tiến bộ của người học, cải tiến chương trình đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

+ Có 01 tiêu chí được đánh giá ở mức đồng ý và không đồng ý với điểm trung bình là 3,41 và 3,42 tương đương tỉ lệ 68,0% và 68,5% so với tổng điểm tối đa đó là đánh giá chưa chỉ ra được sự tiến bộ của người học. Qua phân tích chiến lược đánh giá

và đánh giá kết quả học tập đối với người học đã phản ánh được chi tiết hoạt động đánh giá theo tiếp cận đầu ra, hình thức đánh giá thường xuyên và định kỳ được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết từng học phần. Tuy nhiên việc sử dụng các công cụ đánh giá còn mang nặng đánh giá xác nhận kết quả học tập với mục tiêu ghi nhớ kiến thức, chưa đáp ứng được mức độ phát triển năng lực của người học.

2.3. Đề xuất nội dung cải tiến chương trình đào tạo ngành giáo dục thể chất theo hướng đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo

Thông qua nghiên cứu các quy định trong chuẩn chương trình đào tạo, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, khung trình độ quốc gia Việt Nam, Nghị quyết số 29-NQ/TW về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo; sứ mạng và chiến lược của nhà trường và thực trạng chương trình đào tạo ngành GDTC của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, trên cơ sở đó đề xuất nội dung cải tiến chương trình đào tạo ngành GDTC hiện hành. Để đảm bảo tính khoa học và khả thi của các nội dung được đề xuất, tác giả tiến hành khảo sát ý kiến đối với: 12 chuyên gia, cán bộ quản lý khoa GDTC một số Trường Đại học Sư phạm khu vực phía Bắc có đào tạo ngành GDTC và 21 giảng viên khoa GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 (trực tiếp tham gia quá trình đào tạo theo chương trình). Kết quả khảo sát được trình bày tại bảng 2.

Kết quả thống kê ở bảng 2 cho thấy, cả 11/11 nội dung được đánh giá ở mức đồng ý và rất đồng ý với điểm trung bình từ 4,5 đến 5,0 tương đương với tỉ lệ từ 90,4% đến 100% so với tổng điểm tối đa và sự khác biệt về ý kiến đánh giá đối với 11 nội dung của cả 2 đối tượng là khác nhau không có ý nghĩa thống kê ở ngưỡng xác suất $P \geq 0,05$ với $\chi^2_{\text{tính}} < \chi^2_{\text{bảng}}$. Điều đó có nghĩa là ý kiến đánh giá về nội dung cải tiến chương trình đào tạo của cả 2 đối tượng có sự thống nhất cao, từ đó cho phép đề xuất 11 nội dung cải tiến chương trình đào tạo ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 đáp ứng với các quy định hiện hành về rà soát, cập nhật chương trình đào tạo, từ đó nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội đó là:

- Kịp thời cập nhật những đổi mới về nghề nghiệp qua các lần rà soát để trang bị đầy đủ hơn năng lực của sinh viên đáp ứng với vị trí việc làm trong chuẩn nghề nghiệp.
- Cần đổi chiếu với các văn bản liên quan trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo.
- Cần khảo sát các bên liên quan trong quá trình rà soát, cập nhật chương trình đào tạo để điều chỉnh chương trình đào tạo và hoạt động đào tạo đáp ứng với nhu cầu xã hội.
- Tăng cường thực hành nghề thông qua kiến tập sư phạm giúp sinh viên tiếp xúc với nghề nghiệp sớm từ đó có ý thức và xây dựng kế hoạch học tập đạt kết quả cao
- Chuẩn đầu ra cần xây dựng

tương ứng với từng nhóm như: Phẩm chất công dân, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; năng lực chung; năng lực đặc thù đáp ứng với chuẩn nghề nghiệp và dự thảo chương trình đào tạo giáo viên.

- Chuẩn đầu ra phải liên kết chặt chẽ với mục tiêu của chương trình đào tạo.
- Đảm bảo tính cân đối giữa các thành phần khối kiến thức; giữa kiến thức bắt buộc và tự chọn của chương trình đào tạo và của từng khối kiến thức.
- Trang bị năng lực tự học và phương pháp học tập hiệu quả qua các học phần, coi năng lực tự học và phương pháp học tập hiệu quả là sản phẩm đầu ra của các học phần và của chương trình đào tạo.
- Sơ đồ hóa tiến trình đào tạo dựa trên kế hoạch dạy học đảm bảo sự logic cấu trúc mạch nội dung của chương trình đào tạo và giúp người học biết được kế hoạch đào tạo từ đó chủ động trong xây dựng kế hoạch học tập.
- Bổ sung các công cụ đánh giá năng lực nhận thức và năng lực thực hiện thông qua rubric vào các học phần của chương trình đào tạo để chỉ ra được mức độ đạt chuẩn đầu ra của từng học phần và đánh giá được sự tiến bộ của học sinh.
- Trang bị năng lực tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá kết quả học theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực người học ở tất cả các môn thể thao trong chương trình đào tạo, coi năng tổ chức triển khai kiểm tra đánh giá kết quả học tập là sản phẩm đầu ra của các học phần



và của quá trình đào tạo.

3. KẾT LUẬN

Qua khảo sát chương trình đào tạo ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2 cho thấy: Mục tiêu; chuẩn đầu ra; chuẩn đầu vào; khối lượng học tập; cấu trúc nội dung chương trình đào tạo; phương pháp giảng dạy; đánh giá kết quả học tập của chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu của Khung trình độ quốc gia Việt Nam, quy định chuẩn chương trình đào tạo trình độ đại học, chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, luật giáo dục, luật giáo dục đại học cũng như chiến lược phát triển của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2.

Bên cạnh những ưu điểm đã

đạt, thông qua đánh giá chương trình đào tạo hiện hành đang được áp dụng từ năm 2022 cũng cho thấy chương trình đào tạo còn một số hạn chế nhất định cần được cải tiến như: Trong quá trình xây dựng mục tiêu chương trình đào tạo chưa tham chiếu với các quy định hoạt động nghề nghiệp giáo viên, giảng viên thể dục thể thao; chuẩn đầu ra chưa được cụ thể hóa thành các nhóm chuẩn đầu ra tương đồng với các phẩm chất, năng lực của học sinh trong chương trình GDPT và chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở GDPT; sự gắn kết giữa chuẩn đầu ra với mục tiêu còn chưa thực sự chặt chẽ; chuẩn đầu ra chưa đề cập đến chuẩn đầu ra về khởi nghiệp và phát hiện và bồi dưỡng tài năng TDTT ở

học sinh; tính cân đối của số tín chỉ tự chọn so với số tín chỉ bắt buộc ở từng khối kiến thức còn thiếu tính cân đối dẫn đến tính mở và mềm dẻo của chương trình chưa thực sự đáp ứng tốt nhất cho đổi mới GDPT; hoạt động kiểm tra đánh giá kết quả học tập chưa chỉ ra được sự tiến bộ của người học.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng chương trình đào tạo tác giả đề xuất 11 nội dung cụ thể, thiết thực để cải tiến những hạn chế của chương trình đào tạo hiện hành từ đó nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. ■

(Ngày tòa soạn nhận bài: 16/05/2024; ngày phân biện đánh giá: 02/06/2024; ngày chấp nhận đăng: 12/06/2024).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành Trung ương Đảng (2013), Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 08 năm 2018 ban hành Quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 06 năm 2021 ban hành Quy định chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.
4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2012), Luật số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 06 năm 2012 ban hành Luật giáo dục đại học.
5. Thủ tướng Chính phủ (2016), Quyết định số 1982/QĐ-TTG ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
6. Nguyễn Tiên Tiến và cộng sự (2016), Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học trong Thể dục Thể thao, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, Nhà xuất bản Hồng Đức, Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.